

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 301/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 11 năm 2018

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Năm**

2. Ông **Huỳnh Minh Giới**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Hồng N**, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Anh **Phan Minh U**, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Minh U chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số 163 ngày 20/12/2007*). Quá trình chung sống, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi nhau, do anh U ham mê đánh số đề, đá gà, không còn lo lắng gia đình. Nay, chị và anh U không còn ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị và anh U có 01 người con chung tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 09/11/2008. Hiện cháu đang sống chung với anh U. Chị đồng ý giao cháu K cho anh U được tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị N yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định; đồng thời chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

*Bị đơn anh **Phan Minh U** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh U thống nhất với lời trình bày của chị N.

Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh U thống nhất với lời trình bày của chị N.

Về tài sản chung và nợ: Anh U thống nhất với lời trình bày của chị N; không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, anh U yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định; đồng thời anh vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Phan Minh U có nơi trú tại ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị Lê Hồng N và anh Phan Minh U đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh U theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 163 ngày 20/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T đã cấp cho chị N và anh U nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N yêu cầu ly hôn với anh U, vì cho rằng cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn lại được nữa; giữa chị và anh U đã không còn chung sống với nhau và hiện anh chị đã ly thân. Mặc khác, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã triệu tập chị N và anh U đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng chị N và anh U cũng không đến và chị N và anh U đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh U đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy, cho thấy các đương sự không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ gia đình và kiên quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N ly hôn với anh U là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Giữa chị N và anh U có 01 người con chung tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 09/11/2008. Do hiện nay cháu K sống chung với anh U. Chị N đồng ý giao cháu K cho anh U nuôi dưỡng. Đối với anh U, thống nhất với ý kiến của chị N. Do đó, để cháu K ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K cho anh U nuôi dưỡng. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Do chị N đồng ý giao cháu K cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng. Đối với anh U cũng không có ý kiến gì phần cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Anh U, chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng N.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Hồng N với anh Phan Minh U.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 09/11/2008 cho anh Phan Minh U trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ: Anh U, chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Hồng N đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008529 ngày 13/8/2018 được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang